

Bản án số: 05 /2020/DS - ST

Ngày 10 / 8 /2020

*“V/v Kiên tranh chấp
về yêu cầu người thừa
kế thực hiện nghĩa vụ tài
sản do người chết để lại”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Văn Kiểm
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Đình Giáp
2. Ông Phạm Đức Tuế

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2020; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12,13,14, 15 / 2017/ TLST - DS ngày 04 tháng 5 năm 2017(Quyết định nhập vụ án số 01 /2017/ QĐ - TA ngày 30 tháng 8 năm 2017) về việc Kiên tranh chấp về yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/ QĐXXST - DS ngày 14/01/2019, giữa:

- Nguyên đơn:

1) Anh Lý Văn Th1, sinh năm 1968.

Trú tại: Xóm BM (trước khi sáp nhập ở xóm ĐV), xã TT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2) Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1961

Trú tại: Xóm TK (trước khi sáp nhập ở xóm QL), xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3) Anh Triệu Văn Q, sinh năm 1968

Trú tại: Xóm Đèo De, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4) Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1959

Trú tại: Xóm TT, xã PĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Các nguyên đơn: Anh Lý Văn Th1, anh Hoàng Văn B, anh Triệu Văn Q, anh Nguyễn Văn N đều ủy quyền cho ông Bùi Doãn Sâm, sinh năm 1971; Địa chỉ: Xóm Thống Nhất (trước khi sáp nhập ở xóm Hoàng Hanh), xã Trung Hội, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

- Bị đơn:

1) Bà Hứa Thị Th, sinh năm 1951.

2) Anh Dương Văn Th2, sinh năm 1976.

Đều trú tại: Xóm HL(trước khi sáp nhập ở xóm HB), xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bà Th, anh Th2 có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Anh Dương Văn M, sinh năm 1968. Trú tại: Xóm HL (trước khi sáp nhập ở xóm HB), xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2) Chị Dương Thị L, sinh năm 1971. Trú tại: Xóm Th1 Xuân (trước khi sáp nhập ở xóm Bản Cái), xã Th1 Định huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

3) Chị Dương Thị Th, sinh năm 1974. Trú tại: Xóm BM, xã TT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

4). Chị Dương Thị Đ, sinh năm 1978. Trú tại: Xóm HL (trước khi sáp nhập ở xóm HB), xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và lời trình bày tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lý Văn Th1 trình bày: Ngày 10/6/2013 ông Dương Văn Kháng, địa chỉ: xóm HB, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có vay của anh số tiền 60.000.000 VNĐ (sáu mươi triệu đồng), tiếp đến ngày 14/6/2013 ông Kháng vay tiếp số tiền là 75.000.000 VNĐ (bảy mươi lăm triệu đồng). Cả hai lần vay ông Kháng đều hẹn đến ngày 30/9/2013 sẽ trả toàn bộ, việc vay tiền ông Kháng tự viết giấy biên nhận, ký, ghi rõ họ tên và đưa giấy biên nhận cho anh giữ. Quá Th2 hạn trả nợ nêu trên, ông Kháng chưa trả anh đã gặp ông Kháng đề nghị hoàn trả số nợ trên, ngày 08/12/2013 ông Kháng mới trả được 5.000.000 VNĐ (năm triệu đồng), ông Kháng tự viết và ký vào giấy vay ngày 14/6/2013 về việc thanh toán cho anh và ông Kháng khát nợ, hẹn đến ngày 30 /12/2013 sẽ Th1 toán toàn bộ. Quá Th2 hạn khát nợ một Th2 gian anh đã xuống nhà để gặp ông Kháng đòi nợ thì được gia đình báo ông Kháng đã chết. Sau nhiều lần đến gặp bà Hứa Thị

Th (vợ ông Kháng) và anh Dương Văn Th2 (con ông Kháng) đề yêu cầu trả nợ nhưng bà Th và anh Th2 đều nói không có tiền trả. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, buộc bà Th và các con của ông Kháng phải hoàn trả cho anh số tiền ông Kháng còn nợ là 130.000.000 đ.

Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn Bảy trình bày: Ngày 26/9/2013 ông Dương Văn Kháng, địa chỉ: xóm HB, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có vay của anh số tiền 40.000.000 VNĐ (bốn mươi triệu đồng), ông Kháng hẹn đến ngày 31/12/2013 sẽ trả toàn bộ. việc vay tiền có lập Th văn bản ông Kháng ký, ghi rõ họ tên. Quá Th2 hạn ông Kháng hẹn trả nợ nhưng không thấy ông Kháng trả, anh đã xuống gia đình ông Kháng để đòi nợ thì được biết ngày 01/01/2014 ông Kháng đã chết. Sau nhiều lần đến gia đình bà Hứa Thị Th (vợ ông Kháng) và anh Dương Văn Th2 (con ông Kháng) đề yêu cầu trả nợ nhưng bà Th và anh Th2 đều nói không có tiền trả. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Triệu Văn Q trình bày: Ngày 13/8/2013 ông Dương Văn Kháng, địa chỉ: xóm HB, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có vay của anh số tiền 50.000.000 VNĐ (năm mươi triệu đồng), ông Kháng hẹn đến ngày 31/12/2013 sẽ trả toàn bộ; việc vay tiền ông Kháng lập Th văn bản, ông Kháng ký, ghi rõ họ tên. Quá Th2 hạn ông Kháng hẹn trả nợ một Th2 gian nhưng không thấy ông Kháng trả, anh đã xuống nhà ông Kháng để đòi nợ thì được biết ông Kháng đã chết. Một Th2 gian sau anh đã đến gia đình gặp bà Hứa Thị Th (vợ ông Kháng) và anh Dương Văn Thòi (con ông Kháng) đề nghị trả nợ nhưng bà Th và anh Th2 đều nói không có tiền trả. Vì vậy, nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hoàn trả cho anh toàn bộ số nợ trên.

Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N trình bày: Ngày 26/9/2013 ông Dương Văn Kháng, địa chỉ: xóm HB, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có vay anh số tiền 40.000.000 VNĐ (bốn mươi triệu đồng), ông Kháng hẹn đến ngày 31/12/2013 sẽ trả toàn bộ; việc vay tiền có lập Th văn bản ông Kháng ký, ghi rõ họ tên. Quá Th2 hạn ông Kháng hẹn trả nợ nhưng không thấy ông Kháng trả, anh đã xuống gia đình ông Kháng để đòi nợ thì được biết ông Kháng đã chết. Anh đã trao đổi, đề nghị bà Hứa Thị Th (vợ ông Kháng) và anh Dương Văn Th2i (con ông Kháng) trả cho anh số nợ trên nhưng bà Th và anh Th2 đều nói không có tiền. Nay

anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ tài sản (nghĩa vụ trả nợ), do người chết để lại, hoàn trả cho anh toàn bộ số nợ trên.

Khi làm đơn khởi kiện anh Lý Văn Th1, anh Hoàng Văn Bảy, anh Triệu Văn Q, anh Nguyễn Văn N đều có văn bản ủy quyền cho anh Bùi Doãn Sâm thay mặt tham gia tố tụng giải quyết vụ kiện.

Phía bị đơn, bà Hứa Thị Th trình bày: Bà là vợ ông Dương Văn Kháng, sinh năm 1948, trú tại xóm HB, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bà và ông Dương Văn Kháng có 05 người con chung là: Dương Văn My, Dương Thị Lệ, Dương Thị Thức, Dương Văn Th2, Dương Thị Đẹp. Trước khi ông Kháng chết các con đã có gia đình, có cuộc sống riêng, chỉ có ông bà ở với nhau. Về khoản nợ của ông Kháng khi còn sống bà không rõ ông Kháng vay nợ như thế nào. Ông Kháng chết ngày 01/01/2014, sau khi ông Kháng chết bà thấy có một số người đến đòi nợ, nay bà không nhớ cụ thể những ai. Nay bà tuổi đã cao, sức đã yếu, không có đủ khả năng trả hết số tiền mặt đó. Về tài sản chung với ông Kháng hiện có: 05 sào ruộng nước, 03 thửa đất rừng, 01 thửa đất thổ cư, ngoài ra không có tài sản gì khác. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Dương Văn Th2 trình bày: Anh là con của ông Dương Văn Kháng và bà Hứa Thị Th, gia đình anh có sổ hộ khẩu riêng. Bố anh – ông Dương Văn Kháng chết ngày 01/01/2014. Sau khi ông chết có nhiều người đến đòi nợ đề nghị gia đình anh Th1 toán số nợ trong đó có những người khởi kiện mà Tòa án đã thụ lý, việc vay nợ cụ thể như thế nào anh không nắm được. Về di sản của ông Kháng để lại gồm có 01 nhà sàn cũ dột nát, sau khi ông Kháng chết đã dỡ bỏ, bà Th – mẹ anh ở với vợ chồng anh, về đất đai có đất thổ cư, đất ruộng, đất rừng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Kháng và bà Th, anh ở chung với bố mẹ nên quyền sử dụng đất vẫn chung trong sổ mang tên ông Kháng, bà Th. Toàn bộ di sản của ông Kháng để lại chưa chia cho ai. Về việc Th1 toán số nợ của ông Kháng hiện nay anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, xác định phần di sản của ông Kháng để Th1 toán trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Dương Văn My xác định sau khi anh lấy vợ, vợ chồng anh ở riêng từ năm 1991, năm 1994, bố mẹ anh(ông Kháng, bà Th) đã chia ruộng cho anh quản lý, sử dụng, gia đình anh đã kê khai và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng. Về đất rừng nay anh trồng keo trên 02 thửa đất rừng của bố mẹ, thửa số 302 năm 2016 gia đình anh trồng keo, thửa đất số 274 anh trồng keo từ năm 2011 nhưng tỷ lệ sống thấp, hiện chỉ còn vào cây sau đó anh trồng xen một số cây lim và lát. Về phần ruộng đất của ông Kháng nay mẹ anh – bà Th và em Th2 quản lý sử dụng. Về việc Th1 toán số nợ của ông Kháng hiện nay anh đề nghị Tòa án giải

quyết theo quy định của pháp luật, xác định phần di sản của ông Kháng để Th1 toán trả nợ.

Chị Dương Thị Lệ, chị Dương Thị Thức, chị Dương Thị Đẹp đều trình bày các chị đã đi xây dựng gia đình, thỉnh thoảng mới về thăm bố mẹ, về tài sản của bố mẹ các chị không nắm được bố mẹ có tài sản gì, các chị cũng không biết bố chị có nợ nần gì. Sau khi bố mất gia đình chưa chia di sản thừa kế. Về phần nợ của bố nay các chị nhất trí lấy tài sản của bố để Th1 toán nợ cho những người khởi kiện.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng việc hòa giải không thành, các bên không tự thương lượng với nhau về hướng giải quyết nội dung vụ kiện. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Th, anh My, chị Thức, anh Th2, chị Đẹp đều xác định: Ông Kháng không có bố nuôi, mẹ nuôi, không có con riêng, không có con nuôi nào khác; Bố mẹ ông Kháng đã chết. Bà Th và anh Th2 xác định các giấy biên nhận nợ của anh Th1, anh B, anh N, anh Q giao nộp cho Tòa án đều là chữ ký, chữ viết của ông Kháng, không yêu cầu giám định; đối với khoản vay của ông Kháng còn nợ nay nhất trí xác định tài sản của ông Kháng còn lại để trả nợ, nhất trí với kết quả thẩm định và định giá tài sản; anh My, chị Thức, chị Đẹp đều nhất trí với ý kiến của bà Th, anh Th2; ông Kháng chết ngày 01/01/2014, không để lại di chúc, di sản ông Kháng để lại chỉ có tài sản là quyền sử dụng đất chung với bà Th, ngoài ra không có tài sản riêng nào khác; di sản này chưa chia. Nay đề nghị Tòa án xác định, định giá di sản của ông Kháng để lại để trả nợ.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước Th2 điểm Hội đồng xét xử nghị án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước Th2 điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Đ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, xác

định giá trị tài sản của ông Kháng để lại; buộc những người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do người chết (ông Dương Văn Kháng) để lại.

Về án phí: Bà Hứa Thị Th, anh Dương Văn Th2 , anh Dương Văn My , chị Dương Thị Lệ, chị Dương Thị Thức. Chị Dương Thị Đẹp phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại (nghĩa vụ trả nợ); bị đơn cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Dương Thị Lệ - là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu độc lập, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lệ theo qui định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các nguyên đơn, anh Lý Văn Th1 , anh Hoàng Văn B, anh Triệu Văn Q, anh Nguyễn Văn N đều yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với người thừa kế tài sản của ông Dương Văn Kháng. Cụ thể khi còn sống ông Kháng có vay của các anh mỗi người một khoản tiền, số nợ đó chưa trả, ngày 01/01/2014 ông Kháng chết. Nay các anh đề nghị những người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản (nghĩa vụ trả nợ) do ông Kháng để lại. Cụ thể anh Th1 yêu cầu trả 130.000.000 VNĐ, anh B yêu cầu trả 40.000.000 VNĐ, anh Q yêu cầu trả 50.000.000 VNĐ, anh N yêu cầu trả 40.000.000 VNĐ.

Quá trình giải quyết vụ án xác định ông Dương Văn Kháng có 05 người con chung là anh Dương Văn My, sinh năm 1968; chị Dương Thị Lệ, sinh năm 1971; chị Dương Thị Thức, sinh năm 1974, anh Dương Văn Th2, sinh năm 1976; chị Dương Thị Đẹp, sinh năm 1978. Bà Th, anh My, chị Lệ, chị Thức, anh Th2, chị Đẹp đều xác định: Ông Kháng không có bố nuôi, mẹ nuôi, không có con riêng, không có con nuôi nào khác; Bà mẹ ông Kháng đã chết. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất gồm có: Bà Th (vợ ông Kháng) và anh My, chị Lệ, chị Thức, anh Th2, chị Đẹp (đều là con ông Kháng). Bà Th và anh Th2 xác định các giấy biên nhận nợ của anh Th1, anh B, anh N, anh Q giao nộp cho Tòa án đều là chữ ký, chữ viết của ông Kháng, không yêu cầu giám định; đối với khoản vay của ông Kháng còn nợ nay nhất trí xác định tài sản của ông Kháng còn lại để trả nợ, nhất trí với kết quả

thẩm định và định giá tài sản; anh My, chị Lệ, chị Thức, chị Đẹp đều nhất trí với ý kiến của bà Th, anh Th2.

Bà Th, anh My, chị Lệ, chị Thức, anh Th2, chị Đẹp đều xác định ông Kháng chết ngày 01/01/2014, không để lại di chúc, di sản ông Kháng để lại chỉ có tài sản là quyền sử dụng đất chung với bà Th, ngoài ra không có tài sản riêng nào khác; di sản này chưa chia. Nay đề nghị Tòa án xác định, định giá di sản của ông Kháng để lại để trả nợ. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, điều tra, xác minh xem xét, thẩm định tại chỗ và tiến hành định giá tài sản của ông Kháng để lại nằm trong khối tài sản chung với bà Th gồm các thửa đất có giá trị như sau:

- Thửa đất số 171, tờ bản đồ số 33 gồm 400m² đất thổ cư, 496 m² đất trồng cây lâu năm khác; đất thổ cư đã hiến đất làm đường giao thông nông thôn là 24,7 m², còn lại 375, 3 m²:

$$375,3 \text{ m}^2 \times 180.000 \text{ VNĐ/ } 1\text{m}^2 = 67.554.000 \text{ VNĐ.}$$

$$496 \text{ m}^2 \times 40.000 \text{ VNĐ/ } 1 \text{ m}^2 = 23.336.000 \text{ VNĐ.}$$

- Thửa 304, tờ bản đồ số 33 diện tích 520 m², đã hiến đất làm đường 245,9 m², còn lại 274,1 m² x 44.000.000/1 m² = 12.060.000 VNĐ .

- Thửa 170, tờ bản đồ số 33, diện tích 177 m² , đã hiến đất làm đường 9,2 m², còn lại 167,8 m² x 46.000 VNĐ/1 m² = 7.718.800 VNĐ

- Thửa 156, tờ bản đồ số 33, diện tích 365 m², đã hiến đất làm đường 51,9 m² , còn lại 313,1 m² x 46.000 VNĐ/1 m² = 14.402. 600 VNĐ .

- Thửa 157, tờ bản đồ số 33, diện tích 170 m² , đã hiến đất làm đường 13 m² ; còn lại 157 m² x 46.000 VNĐ/1m² = 7.222.000 VNĐ.

- Thửa 129, tờ bản đồ số 33, diện tích 362 m², đã hiến đất làm đường 20,3 m²; còn lại 340.7 m² x 46.000 VNĐ/1 m² = 15.672.200 VNĐ.

- Thửa 274, tờ bản đồ số 33 (rừng), diện tích 983,8 m².
983,8 m² x 9.000 VNĐ/1 m² = 8.854.200 VNĐ.

- Thửa 302 , tờ bản đồ số 33 (rừng), diện tích 2.172 m².
2.172 m² x 9.000VNĐ/1 m² = 19.548.000 VNĐ.

- Thửa 185, tờ bản đồ số 32 (rừng), diện tích 2.095 m².
2.095 m² x 11.000 VNĐ/1 m² = 23.045.000 VNĐ.

- Thửa 209 tờ bản đồ số 33, diện tích 488m².
488 m² x 46.000 VNĐ/1 m² = 22.448.000 VNĐ.

- Thửa 293, tờ bản đồ số 33, diện tích 664 m².
664 m² x 46.000/ 1m² = 30.554.000 VNĐ.

- Thửa 292 , tờ bản đồ số 33, diện tích 316 m².
316 m² x 46.000 VNĐ/1 m² = 14.536.000 VNĐ.

- Thửa 158, tờ bản đồ số 33, diện tích 59 m².
59 m² x 46.000 VNĐ/1m² = 2.714.000 VNĐ.

Tổng giá trị tài sản là: 269.664.800 đ (hai trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng). Là tài sản chung của ông Dương Văn Kháng và bà Hứa Thị Th. Phần của ông Kháng bằng 1/2 giá trị tài sản .

$269.664.800 \text{ đ} : 2 = 134.832.400 \text{ đ}$ (một trăm ba mươi tư triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Số nợ của ông Kháng còn nợ là 260.000.000 đ. Trong đó :

Nợ anh Lý Văn Th1 $130.000.000 \text{ đ} = 50\%$.

Nợ anh Hoàng Văn B $40.000.000 \text{ đ} = 15,38\%$

Nợ anh Nguyễn Văn N $40.000.000 \text{ đ} = 15,38\%$.

Nợ anh Triệu Văn Q $50.000.000 \text{ đ} = 19,23\%$.

Giá trị tài sản ông Kháng còn lại là 134.832.400 đ (một trăm ba mươi tư triệu tám trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Số tiền ông Kháng còn lại để trả nợ cho những người cụ thể là :

Anh Lý Văn Th1 : $134.832.400 \text{ đ} \times 50\% = 67.416.200 \text{ đ}$

Anh Hoàng Văn B : $134.832.400 \text{ đ} \times 15,38\% = 20.737.223 \text{ đ}$

Anh Nguyễn Văn N : $134.832.400 \text{ đ} \times 15,38\% = 20.737.223 \text{ đ}$

Anh Triệu Văn Q: $134.832.400 \text{ đ} \times 19,23\% = 25.929.214 \text{ đ}$.

Xét thấy: Ông Dương Văn Kháng chết không để lại di chúc. Những người thừa kế có quyền hưởng di sản có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của ông Dương Văn Kháng để lại gồm: Bà Hứa Thị Th – vợ ông Kháng; anh Dương Văn My, chị Dương Thị Lệ, chị Dương Thị Thức, anh Dương Văn Th2, chị Dương Thị Đẹp – đều là con ông Kháng (thuộc hàng thừa kế thứ nhất). Di sản của ông Dương Văn Kháng để lại chưa được chia, hiện bà Hứa Thị Th - là vợ ông Kháng và anh Dương Văn Th2 – là con ông Kháng đang quản lý nhưng những người có quyền hưởng di sản có nghĩa vụ tài sản do người chết để lại không có thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ hoặc có thỏa thuận khác.

Vì vậy, nay cần buộc những người có quyền hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Dương Văn Kháng để lại tương ứng với tỷ lệ phần trăm số nợ ông Kháng nợ trên của từng người trong phạm vi di sản đó , cụ thể:

Bà Hứa Thị Th, anh Dương Văn My, chị Dương Thị Lệ, chị Dương Thị Thức, anh Dương Văn Thòi, chị Dương Thị Đẹp mỗi người phải trả số nợ cho từng người cụ thể như sau :

Anh Lý Văn Th1 : $(134.832.400 \text{ đ} \times 50\%) : 6 = 11.236.000 \text{ đ}$

Anh Hoàng Văn B : $(134.832.400 \text{ đ} \times 15,38\%) : 6 = 3.456.203 \text{ đ}$

Anh Nguyễn Văn N : $(134.832.400 \text{ đ} \times 15,38\%) : 6 = 3.456.203 \text{ đ}$

Anh Triệu Văn Q: $(134.832.400 \text{ đ} \times 19,23\%) : 6 = 4.216.300 \text{ đ}$.

Về án phí: Bà Hứa Thị Th, anh Dương Văn My, chị Dương Thị Lệ, chị Dương Thị Thúc,, anh Dương Văn Thòi, chị Dương Thị Đẹp phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; các Điều 35, 39, 92, 147, 157, 165, 228, 235, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 637, 645, 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu khởi kiện của anh Lý Văn Th1, anh Hoàng Văn B, anh Nguyễn Văn N, anh Triệu Văn Q.

Buộc bà Hứa Thị Th, anh Dương Văn Th2, chị Dương Thị Lệ, chị Dương Thị Thúc, anh Dương Văn Th2, chị Dương Thị Đẹp phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do người chết (ông Dương Văn Kháng) để lại. Cụ thể mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ như sau:

Trả cho anh Lý Văn Th1 số tiền 11.236.000đ (mười một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Trả cho anh Hoàng Văn B số tiền 3.456.203đ (ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm linh ba đồng).

Trả cho anh Nguyễn Văn N số tiền 3.456.203đ (ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm linh ba đồng).

Trả cho anh Triệu Văn Q 4.216.300đ (bốn triệu hai trăm mười sáu nghìn ba trăm đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với Th2 gian chậm trả.

Lãi xuất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều: Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Th2 hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hứa Thị Th, anh Dương Văn Th2, anh Dương Văn My, chị Dương Thị Lệ, chị Dương Thị Thức, chị Dương Thị Đẹp mỗi người phải chịu 1.118.235 đồng (một triệu một trăm mười tám nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho các nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể: Anh Lý Văn Th1 đã nộp là 3.250.000đ theo biên lai thu số 0017852 ngày 04/5/2017, anh Hoàng Văn B đã nộp là 1.000.000đ theo biên lai thu số 0017854 ngày 04/5/2017, anh Nguyễn Văn N đã nộp là 1.000.000đ theo biên lai thu số 0008856 ngày 04/5/2017, anh Triệu Văn Q số đã nộp là 1.350.000^d theo biên lai thu số 0017855 ngày 04/5/2017.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt chị Dương Thị Lệ, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ(02 bản);
- THADS huyện ĐịnhHóa;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Kiểm